

Mật Tạng Bộ 1\_ No.852A (Tr.108 \_ Tr.117)

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH  
LIÊN HOA THAI TẶNG BI SINH MẠN ĐỒ LA  
QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU NGHI QUỸ

\_PHƯƠNG TIỆN CÚNG DƯỜNG HỘI THỨ NHẤT\_

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

-Quy mệnh **mãn Phần Tĩnh Pháp Thân**

**Tỳ Lô Giá Na Biến Chiêu Trí**

Hé mở mắt quang minh Diệu Giác

Rộng dài giống như cánh sen xanh

Nay Ta y Kinh yếu lược nói

Pháp Tất Địa lợi mình lợi người

Chân Ngôn, thứ tự phương tiện hạnh

Phát khởi Tín Giải **Môn Thắng Diệu**

\_Trước, khiến Tâm mình lìa bụi dơ

Suy tư chư Phật hiện trước mặt

Đề tưởng thân mình tại chốn ấy

Chân thành bày rải Diệu Hương Hoa

Mọi thứ vật cúng thật trang nghiêm

Chiêm ngưỡng **Bản Tôn Minh Ân Pháp** (Pháp Ân, Minh của Bản Tôn)

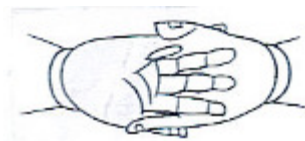
Một lòng cung kính rồi tác lễ

**Tác Lễ Phương Tiện Chân Ngôn** là (Địa Trì Ân)

“**Án (1) năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đa (2) ca dã nhĩ phộc cật-chất đa (3) phộc nhật-la mãn na nam, ca lỗ nhĩ (4)**”

ॐ नमो सार्वभौमके नमो भगवते वासुदेवाय

\*)OM\_NAMAḤ SARVA TATHĀGATA KĀYA MI VĀK CITTA\_PĀDA VANDANĀM KARA-UMI



Do lời chân thật tác lễ này

Liên hay lễ khắp mười phương Phật

\_Gôi phải sát đất, hợp chưởng móng

Suy tư sám hối tội nghiệp xưa

“**Con do Vô Minh đã gom chứa**

**Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội**

**Tam dục sân si che lấp Tâm**

**Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng**

**Cha mẹ, hai Thầy, Thiện Tri Thức**

**Cùng với vô lượng các chúng sinh**

*Lưu chuyển sống chết từ Vô Thủy  
Gây tạo vô tận tội cực nặng  
Đôi trước mười phương Phật hiện tiền  
Thầy đều sám hối chẳng làm nữa”*

Xuất Tội Phương Tiện Chân Ngôn là (Đại Tuệ Dao Ấn)

“Án (1) Tát phộc bá ba tát-bồ tra (2) ná ha năng, phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ स त् प प सु ह र न र व ह य सु ह

\*)OM\_SARVA PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA\_SVĀHĀ



*Nam mô mười phương Phật ba đời  
Ba loại thường gần Tạng Chính Pháp  
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên  
Nay con đều chân chính quy y*

Quy Y Phương Tiện Chân Ngôn là (Phổ Ấn)

“Án (1) tát phộc một đà mạo địa tát- đát- noan (2) thiết la noãn nghiệt xa nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hiệt-lợi (5)”

ॐ स त् व ह व (स म व नं म्) [ ॐ व ह म् व ह म् ]

\*)OM\_SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVANĀM ŚARAṆĀM GACCHAMĪ\_VAJRA-DHARMA\_HRĪH



*Con tịnh thân này lìa bụi nhơ  
Cùng thân miệng ý của ba đời  
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn  
Phụng hiến tất cả các Như Lai*

Thí Thân Phương Tiện Chân Ngôn là (Độc Cổ Ấn)

“Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) bồ nhạ bát-la bạt lật-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết-lý dạ đá dạ nhĩ (4) tát phộc đát tha nghiệt đa thất-giả địa để sắt-xá đam (5) tát phộc đát tha nghiệt đa nhạ nạn mê a vị thiết đồ (6)”

ॐ स त् व ह व (स म व नं म्) [ ॐ व ह म् व ह म् ]

\*)OM\_SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMĀNAM NIRYĀTA YĀMI\_SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHITIṢṬATAM\_SARVA TATHĀGATA JÑĀNA ME ĀVIŚATU



Tâm Tĩnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên

Nay con phát khởi cứu quần sinh

Góp gom Sinh khổ, ràng thân thể

Cùng với Vô Tri hại đến thân

Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các Hàm Thức

Phát Bồ Đề Tâm Phương Tiện Chân Ngôn là: (Định Ân)

“Án (1) mạo địa tức đa (2) mẫu đất bả na dạ nhĩ (3)”

ॐ षडक्षरं नृसुषुन यम्

\*)OM \_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI



Trong vô lượng Thế Giới mười phương

Các Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải

Mỗi mỗi lực phương tiện khéo léo

Với các Phật Tử vì Quần Sinh

Bao nhiêu phước nghiệp đã tu tập

Nay con tùy hỷ hết tất cả

Tùy Hỷ Phương Tiện Chân Ngôn là (Quy Mệnh Hợp Chương)

‘Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bản nhược nhạ năng (3) nỗ mộ nại na  
bồ đồ mê già tam mộ nại-la (4) tát-phả la ninh tam ma duệ (5) hồng”

ॐ स त ग ल ग म प्र ङ न र सु न प्र ऋ अ य स सु र म र म य ह्र

\*)OM SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA \_ PŪJA  
MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



Nay con khuyến thỉnh các Như Lai

Tâm Đại Bồ Đề, Đấng Cứu Thế

Nguyện xin khắp cả Giới mười phương

Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp

Khuyến Thỉnh Phương Tiện Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chương)

“Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh bồ nhạ mê già tam mộ  
nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng”

ॐ सर्व तथगत तद्धयम सुख मय ससुख सु । म समय हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



*-Nguyện nơi cư trú của Phàm Phu  
Mau buông mọi khổ bám trên thân  
Sẽ được đến nơi không nhớ bản (Vô Cấu Xứ)  
An trụ Pháp Thân Giới thanh tịnh*

**Phụng Thỉnh Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn** là (Kim Cương Hợp Chương, Nội Phộc, để ngón trỏ của Tuệ (tay trái) như móc câu rồi chiêu vời)

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) nại thê sái dạ nhĩ (3) tát phộc tát đát-phộc hệ đa lật-tha dã (4) đạt ma đà đồ tát thể để lật-phộc mặt đồ (5)**

ॐ सर्व तथगत तद्धय मय ससुख सु । म समय हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI\_ SARVA SATVA HĪTA ARTHĀYA\_ DHARMA-DHĀTU STHITIRBHAVATU



*Bao nhiêu Thiện Nghiệp tu hành được  
Vì muốn lợi ích mọi chúng sinh  
Nay con chân chính hồi hướng hết  
Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề*

**Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn** là (Kim Cương Hợp Chương)

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) niết-ly dã năng-la bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng”**

ॐ सर्व तथगत तद्धय मय ससुख सु । म समय हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA \_PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



Thân tùy chỗ ứng dùng an tọa  
Đề quán (chân thật quán ) rõ ràng **Sơ Tự Môn** (Môn chữ A)

Tiếp nên kết **Ấn Tam Muội Gia**

Ấy là Tĩnh Trừ ba Nghiệp Đạo

Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) A tam mê (2) đát-ly tam mê (3) tam ma duệ (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ ASAME TRISAME SAMAYE \_ SVĀHĀ

Vừa kết Mật Ấn này

Hay tinh **Như Lai Địa**

Mãn **Địa Ba La Mật**

Thành ba Pháp Giới Đạo

\_ Tiếp, kết **Pháp Giới Sinh**

Tiêu biểu của Mật Tuệ

Vì tịnh thân khẩu ý

Chuyển khắp cả thân mình

**Chân Ngôn** ấy là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đạt ma đà đồ (2) tát-phộc bà phộc cú hàm (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAM

Như Tự Tính Pháp Giới

Mà quán nơi thân mình

\_ Vì khiến cho kiên cố

Quán ngay **Chấp Kim Cương** (Vajradhāra)

Kết Ấn **Kim Cương Luân** (Cũng gọi là Ấn **Chuyển Php Lun**)

**Kim Cương Tát Đồa Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la (2) đát-ma cú hàm (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ VAJRA ATMAKA-UHAM

Đề Quán thân của Ta

Tức là **Chấp Kim Cương**

\_ Tiếp **Hoàn Giáp Kim Cương**

Nên quán nơi y phục

Khắp Thê sinh ánh lửa

Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Ấn phộc nhật-la ca phộc già (2) hồng**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ OM VAJRA-KAVACA HŪM

\_ Chữ **La** ( ॠ \_ RA) màu trắng tinh

Dùng điểm Không nghiêm sức ( ॠ \_ RAM)

Như minh châu cột tóc

Đặt ở trên đỉnh đầu

Bao tội cầu gom chứa

Do đây đều trừ diệt

Phước Tuệ đều viên mãn

Tất cả chôn ô uế

Nên thêm Tự Môn này

Màu đỏ đủ uy quang

Ánh lửa vây quanh khắp

\_Tiếp vì hàng phục Ma

Chế các loài Đại Chướng

Nên niệm đấng Đại Hộ

**Vô Năng Kham Nhẫn Minh**

Chân Ngôn là:

“**Năng mạt tát phộc tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc bội dã, vĩ nghiệt đế tệ (2) vĩ thấp-phộc mục khế tệ (3) tát phộc tha (4) hàm khiếm (5) la cật-sái ma ha mạt lê (6) tát phộc đát tha nghiệt đa bô ni-dã niết tả đế (7) hồng hồng (8) đát-la tra đát-la tra (9) a bát-la để ha để (10) sa-phộc hạ**”

ॠमः स त् न एत न त्रुः स त् न य एत न त्रुः अ व सु त्रुः स त् न क् न्  
ॠ क म न व न् स त् न एत न् पृ ष्ठ ष्ठ न् क् क् न् क् न् क् न् क् न् क् न् क् न् क् न्  
सु न्

\*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAṀ KHAṀ RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJATE HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬ SVĀHĀ

Do vừa ghi nhớ, niệm

Các Tỳ Na Dạ Ca

Nhóm La Sát hình ác

Tất cả đều chạy tan

**\_ Cảnh Phát ở Địa Thân**

Nên nói Kệ như vậy

(Hai gối quỳ dài, Tay Định (tay trái) cầm chày để ngang trái tim. Tay Tuệ (tay phải) duỗi năm ngón, để ngang lòng bàn tay dè mặt đất)

1\_ **Đát-noan** (ngươi, Ngài) **nê vĩ** (hàng Trời, có giọng nữ) **sa khát-xoa** (hộ giúp)**bộ đá tát** (gần gũi, đối với)

2\_ **Tát phộc** (tất cả) **một đà năng** (Phật, có nhiều tiếng) **đá dịch nam**

3\_ **Tả lý-dã năng dã** (tu hành) **vĩ thế sái số** (thù thắng)

4\_ **Bộ mật** (tĩnh địa) **bá la mật đá tốc giả** (đẳng, nhóm)

5\_ **Ma la** (Thiên Ma) **tế tiện-diễn đát tha** (như) **bà nghiệt nam** (phá)

6\_ **Xá cát-dã** (Thích Ca) **tăng tứ năng** (sư tử) **đá dịch nô** (cứu Thế)

7\_ **Đát tha hạ** (như Ta) **ma la** (Ma) **nhạ diễn khát-lật đát-phộc** (phục, hàng phục)

8\_ **Mãn noa lăm lịch** (Mạn đồ la: Đạo Trường) **lạc khư dạ** (tô vẽ) **một-dược hàm** (Ngã, Ta)

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp (Tvam Devī sākṣi putāsi)



Thông đạt Đàn Bí Mật  
Nhu Pháp vì Đệ Tử  
Thieu hết tất cả tội  
Thọ mệnh đều đốt hết  
Khiến nó chẳng sinh lại  
Cùng với tro tàn xong  
Thọ mệnh ấy hoàn lại  
Vì dùng Chữ đốt Chữ  
Nhân Chữ mà liền sinh  
Tất cả Thọ cho đến  
Thanh tịnh khắp không dơ  
Dùng mười hai chi Cú  
Mà làm nơi Khí ấy  
Tam Muội Gia như vậy  
Tất cả các Như Lai  
Bồ Tát, đấng Cứu Thế  
Vớ Phật, chúng Thanh Văn  
Cho đến các Thế Gian  
Bình đẳng chẳng trái ngược  
Giải **Thệ bình đẳng** này  
Mạn Đồ La bí mật  
Vào tất cả Pháp Giáo  
Các Đàn đều tự tại  
Thân Ta ngang đẳng ấy  
Bạc Chân Ngôn cũng vậy  
Dùng **Bất Tương dị** (chẳng khác nhau) nên  
Nói tên **Tam Muội Gia** (Samaya)  
Trước mặt quán chữ **La** (𑖫\_RA)  
Là ánh lửa sáng sạch  
Nhu mặt trời sáng sớm  
Niệm tiếng, Nghĩa chân thật  
Hay trừ tất cả Chướng  
Giát thoát dơ ba Độc  
Các Pháp cũng như vậy  
Trước tự tịnh đất Tâm  
Lại tịnh đất Đạo Trường  
Đều trừ mọi làm lỗi  
Tướng ấy như hư không  
Đất này cũng như vậy  
Trụ Bản Tôn Du Già  
Dùng thêm năm chi Chữ  
Đẳng Dẫn rồi vận tướng  
Liền đồng **Mâu Ni Tôn**

\_Chữ A (𑖦) màu vàng ròng  
Dùng làm Kim Cương Luân  
Gia trì ở thân dưới  
Nói tên **Du Già Tọa**



\_Chữ **Noan** ( 𣎵 \_ VAM) trắng trắng tinh  
Ở bên trong sương mù  
Gia trì ngay trên rốn  
Gọi là **Đại Bi Thủy**

\_Chữ **Lãm** ( 𣎵 \_ RAM) sơ nhật huy (ánh mặt trời mới mọc)  
Màu đỏ trong tam giác  
Gia trì trái tim mình  
Gọi là **Trí Hỏa Quang**

\_Chữ **Hàm** ( 𣎵 \_ HAM) lửa kiếp tai  
Màu đen tại Phong Luân  
Gia trì mé Bạch Hào (chân tóc trên tam tinh)  
Nói tên **Tự Tại Lực**

\_Chữ **Khư** với điểm Không ( 𣎵 \_ KHAM)  
Tưởng thành tất cả màu  
Gia trì trên đỉnh đầu  
Tên gọi là **Đại Không**

\_Năm Chữ dùng nghiêm thân  
Khuôn uy đức sáng rực  
Diệt trừ mọi nghiệp tội  
Thiên Ma, loài gây chướng  
Thấy Kim Cương hách dịch

\_ **Bách Quang Vương** trong đầu  
An lập mắt Vô Cấu (không dơ bẩn)  
Quán thân đồng Như Lai  
Lại niệm câu Mãn Túc  
“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam. A noan lãm hàm khiếm**”

𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵 𣎵

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ A VAM RAM HAM KHAM

An lập **Khí Thế Gian** (cõi vật chất)  
Không (hư không), Phong (gió) ở tận dưới  
Tiếp quán Hỏa (lửa) Thủy (nước) Địa (đất)  
Là Luân đồng Kim Cương  
Tên **Đại Nhân Đà La**  
Ánh lửa màu vàng sạch  
Thấy đều lưu xuất khắp

\_Bấy giờ Bạc Già Phạm  
Quán sát Đại Chúng Hội  
Bảo **Bí Mật Chủ** rằng:  
Có Tiêu Xí (cờ biểu, vật biểu tượng)  
Do đây trang nghiêm thân  
Trải qua trong sinh tử

Ở Đại Hội Như Lai  
Tiêu Xí Bồ Đề Tràng  
Các Trời Rồng, Dạ Xoa  
Cung kính mà thọ giáo

Ấn đầu, **Phật Tam Muội**



**Pháp Giới** với **Pháp Luân**



**Khế Già** (Khadga: Đao Ấn) quy mệnh hợp [Quy Mệnh Hợp Chưởng]  
Co Phong (ngón trỏ) Không Luân (ngón cái) gia [ngón cái đè ngón trỏ]



**Pháp Loa**, Hư Tâm Hợp (chấp tay lại giữa trống rỗng)  
Phong (ngón trỏ) cột trên Không Luân (ngón cái)



**Cát Tường Nguyên Liên Hoa**



## Kim Cương Đại Tuệ ấn



## Ma Ha, Như Lai Đỉnh



## Tuệ Quyển (tay Phải) Hào Tướng Tạng



## Du Già , tướng ôm bát



## Tay Trí Tuệ (tay phải) dơ lên Tên Vô Úy Thí Giả



## Rũ xuống , hiệu Mãn Nguyện



## Tuệ Quyển (quyển trái) duỗi Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) Bậc Trí thành Phật Nhân





\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ

.)Kim Cương Đại Tuệ Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hồng”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ HŪM

.)Nhu Lai Đỉnh Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng hồng”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM HŪM

.)Nhu Lai Đỉnh Tướng Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga năng nan đa sa-phả la ninh (2) vĩ truật đà đạt ma nễ nhạ đế (3) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAGANA ANANTA SPHARAṆA VÍSUDDHE DHARMA NIRJATE SVĀHĀ

.)Hào Tướng Tạng Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A hàm nhạ”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ HAM JAH

.)Đại Bát Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam . Bà”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ BHAḤ

.)Thí Vô Úy Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) tát la-tha nhĩ na nhĩ na (3) bội dã năng xa na (4) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVATHĀ JINA JINA BHAYA NĀŚANA\_ SVĀHĀ

.)Dữ Nguyên Mãn Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phộc la na, phộc nhật-la dát-ma ca (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VARADA VAJRA-ATMAKA\_ SVĀHĀ

.)Bi Sinh Nhân Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) Nga nga năng, phộc la, lạc cật-xoa ninh (2) ca lỗ noa ma dã (3) dát tha nghiệt đa, tác cật-sô (4) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धेभ्यो गगन वरु लक्ष्मणे कुरुमम्यन् गणतान् वक्ष्ये  
स् सूक्त

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAGANA VARA LAKṢAṆA  
KĀRUṆI-MAYA\_ TATHĀGATA-CAKṢU\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Sách Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) Hệ hệ ma hạ bá xa (2) bát-la sa lao na ly- dã (3) tát đỏa đà đồ (4) vi mô ha ca (5) đát tha nghiệt đa địa mục cật-đế nễ tá đa, sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धेभ्यो कुरु मन्त्रपिते च मन्त्रेण मयु र्गु अमरुते  
गणतान्(असुते) अरु ग स् सूक्त

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE HE MAHĀ-PĀŚA\_ PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA\_ TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tâm Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) chỉ-nhương nộ (2) ốt-bà phộc (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धेभ्यो ज्ञानरु व स् सूक्त

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ JÑĀNA UDBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tề Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) A một-lật đồ ốt-bà phộc (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धेभ्यो अमृत रु व स् सूक्त

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AMṚTA UDBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Yêu Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) đát tha nghiệt đa tam bà phộc (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धेभ्यो गणतान् संरु व स् सूक्त

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA SAMBHAVA\_ SVĀHĀ

Tạng Ấn Hư Tâm Hợp (Hư Tâm Hợp Chưởng)

Co Phong (ngón trở) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Hỏa (ngón giữa) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Địa (ngón út) hợp khiến hơi co



**Phổ Quang dựa Đại Giới**

Co hai Không (2 ngón cái) vào trong

Duỗi Phong (ngón trở) như phóng quang

Co Hỏa (ngón giữa) như móc câu



**Như Lai Giáp** như trước



**Thiệt tướng** , hai Không vào (có 2 ngón cái vào bên trong)



**Ngũ Môn**, Hư trung hợp

Dời Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) vào trong



**Nha Ấn Phong** (ngón trỏ) vào chưởng (Tam Bồ Đa)



**Biện Thuyết** hai Phong Luân (2 ngón trỏ)

Đặt lóng ba của Hỏa (Đề trên lóng thứ ba của ngón giữa, sao cho đầu ngón đùng dính nhau)



**Thập Lực Liên Hoa Hợp** (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Có Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong

Trong chưởng cùng hợp lóng







“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) bát-la chiến noa (2) phộc nhật-la nhập-phộc la (3) vĩ sa-phổ la hồng (4)”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः सर्वत्र वक्रं कुरुते ॥ १ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PRACAṆḌA VAJRA-JVALA VISPHURA\_ HŪM

.)Nư Lai Thiệt Tướng Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) dát tha nghiệt đa, nhĩ ha-phộc (2) tát đê-dã đạt ma bát-la đê sắt-xỉ đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः शक्यं कुरुते ॥ २ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA\_ SVĀHĀ

.)Nư Lai Ngũ Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) dát tha nghiệt đa, ma ha phộc cật dát-la (2) vĩ thấp-phộc chỉ-nhưong năng ma hộ na dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः शक्यं कुरुते ॥ ३ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA MAHĀ-VAKTRA VIŚVA JÑĀNĀM MAHODAYA\_ SVĀHĀ

.)Nư Lai Nha Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) dát tha nghiệt đa năng sát-tra-la la sa la sa cật-la (3) tham bát-la bác ca (4) tát phộc dát tha nghiệt đa (5) vĩ sai dã tham bà phộc (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः शक्यं कुरुते ॥ ४ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-DAMṢṬRA\_ RASA RASA AGRA SAMPRĀPAKA\_ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYĀ SAMBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nư Lai Biện Thuyết Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) a chần đê-dã na-bộ đa (2) lộ ba phộc tăng tam ma đá bát-la bát-da (3) vĩ du đà sa-phộc la (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः शक्यं कुरुते ॥ ५ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK SAMANTA-PRĀPTA VIŚUDDHĀ-SVĀRA\_ SVĀHĀ

.)Nư Lai Trì Thập Lực Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) nại xa mặt lãng nga đạt la (2) hồng tam nhiệm (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धाय नमः शक्यं कुरुते ॥ ६ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DAŚA-BALAMGA DHARA\_ HŪM SAM JAM\_ SVĀHĀ

.)Nư Lai Niệm Xứ Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa sa ma-lật đế (2) tát đát-phộc hệ đát-phộc tỳ-dữu ốt-nghiệt đa (3) nga nga năng tam mang tam ma (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA\_ GAGANA SAMA ASAMA\_ SVĀHĀ

.)Nhất Thiết Như Lai Bình Đẳng Khai Ngộ Chân Ngôn là:

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) tát phộc đạt ma tam ma đa bát-la bát-đa (2) đát tha nghiệt đa nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA DHARMA SAMANTĀ PRĀPTA\_ TATHĀGATA ANUGATA\_ SVĀHĀ

.)Phổ Hiền Bồ Tát Như Ý Châu Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) tham ma đa nỗ nghiệt đa vĩ la nhạ đạt ma (2) nễ xả đa (3) ma hạ ma hạ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJATA\_ MAHĀ MAHĀ\_ SVĀHĀ

.)Tỳ Thị Bồ Tát trụ Phát Sinh Phổ Biến Đại Từ Tam Muội nói Tỳ Tâm Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a nhĩ đản nhạ dã (2) tát phộc tát đát-phộc xa dã nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AJITAM JAYA\_ SARVA SATVA ŚAYA ANUGATA\_ SVĀHĀ

.\_Thời Đức Phật trụ Cam Lộ Sinh Tam Muội nói Nhất Thiết Tam Thế Vô Ngại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (Đỉnh Ấn)

“Đát nễ-dã tha (1) nga nga năng tam mê (2) a bát-la đế tam mê (3) tát phộc đát tha nghiệt đa tam ma đá nỗ nghiệt đế (4) nga nga năng tam ma (5) phộc la lạc khất-xoa nãi (6) sa-phộc hạ”

ॐ तद्यथा नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*)TADYATHĀ: GAGANA SAME\_ APRATI SAME\_ SARVA TATHĀGATA ANUGATE\_ GAGANA SAMA\_ VARA LAKṢAṆĒ\_ SVĀHĀ

.\_Vô Năng Hại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (Dùng Phạm Giáp Ấn, 8 biến)

“Năng mặc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc mục khế tỳ-dược (2) a tam mê (3) bát la mê (4) a giả lệ (5) nga nga nê sa-ma la nãi (6) tát phộc đát-la nỗ nghiệt đế (7) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः नमः ॥ अथ नमः सर्वेभ्यो भूतेभ्यः ॥ नमः ॥

\*NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ  
ASAME PARAME ACALE GAGANE SMARANE SARVATRA  
ANUGATE SVĀHĀ

\_Nghiêm tĩnh quốc độ Phật  
Phụng sự các Như Lai  
Đế quán biển nước thom  
**Đại Hải Chân Ngôn** là:  
“**Án, vĩ ma lỗ na đạ, hồng**”  
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*)OM VIMALA UDADHI HŪM

\_Kim Cương Thủ cầm hoa (Nội Trí)  
“**Phộc Phộc nhật-la bá nê**” (Đây là Đại Chân Ngôn Vương Ấn)  
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
\*)VA VAJRA-PĀṆE

\_Đem **Diệu Liên Hoa Vương**  
Đặt ở **Thai Tạng Giới**  
Nhóm Chính Giác tối sơ (khởi đầu)  
Đặt bày Mạn Đồ La  
Bí mật ở trong mật  
**Đại Bi Thai Tạng Sinh**  
Với vô lượng Thế Gian  
Mạn Đồ La xuất thế

\_Vòng quanh khắp bốn phương  
Một cửa với lối đi (thông đạo)  
Ấn Kim Cương nghiêm khắp  
Giữa: **Yết Ma Kim Cương**  
Hoa sen lớn ở trên  
Cọng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)  
Tám cánh đủ rây nhụy  
Mọi báu tị trang nghiêm  
Hé nở đầy quả trái  
Ở **Ấn Đại Liên** ấy  
Điểm Đại Không trang nghiêm  
Câu **mười hai Chi Sinh**  
Khắp cả trong đài hoa  
Tường tuôn vô lượng quang (vô lượng ánh sáng)  
Trăm ngàn sen vây quanh

\_Trên đó lại quán tưởng  
Tòa Đại Giác Sư Tử  
Dùng Bảo Vương (vật báu đứng hàng đầu) nghiêm sức  
Ngay trong cung điện lớn  
Bày cột báu thành hàng  
Khắp nơi có phương, lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau  
Rũ treo áo báu đẹp (diệu bảo)  
Mây hương hoa vòng khắp  
Cùng với mọi mây báu  
Tuôn mưa đủ loại hoa  
Thơm phức trang nghiêm đất  
Tiếng hòa vận êm tai  
Dâng hiến các âm nhạc  
Trong Cung tướng tĩnh diệu (trong sạch màu nhiệm)  
Hiền Bình với Át Già  
Cây vua báu (Bảo Thọ Vương) nở hoa  
Đèn Ma Ni soi chiếu  
Tam Muội, đất Tổng Trì  
Thê nữ của Tự Tại  
Nhóm Phật Ba La Mật  
Hoa Bồ Đề diệu nghiêm  
Phương tiện tác mọi kỹ  
Ca vịnh âm Diệu Pháp  
Cúng dường các Như Lai  
**Dùng lực Công Đức Ta**  
**Lực Như Lai gia trì**  
**Cùng với lực Pháp Giới**  
**Cúng dường khắp mà trụ**

\_Tiếp Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi (Phổ Thông Ân)  
Kết Đại Luân Đàn Ân

\_Tiếp Chúng Sắc Giới Đạo

**La** ( 𑖣 \_RA) [màu trắng, chính giữa] **Lãm** ( 𑖣 \_RAM) [màu đỏ, cây phượng]  
**Ca** ( 𑖣 - KA) [màu vàng, bông hoa] **Ma** ( 𑖣 - MA) [màu xanh, đầy khắp] **Ha** ( 𑖣 - HA)  
[màu đen, Âm Giới Đạo. Kim Cương Tuệ Ân]

Quán trong **Trung Thai** ấy [Chủng Tử của các Tôn, mỗi mỗi phải an bày rõ ràng. Trước tiên tướng vòng ánh sáng tròn trịa (Viên Quang)]

Vàng trắng trong sáng khắp  
Thanh tịnh lìa các dơ  
Giữa có hình Bản Tôn  
Diệu sắc vượt ba cõi  
Áo sa lụa nghiêm thân  
Mão báu buông tóc rũ  
Tam Ma Địa **Tịch Nhiên**  
Lửa sáng hơn ánh điện  
Giống như trong gương sạch  
Sâu thẳm hiện hiện dung  
Hiện hình sắc vui, giận  
Cầm giữ nhóm **Dữ Nguyệt**  
Thân tương ứng chính thọ  
Tâm sáng tỏ không loạn  
Vô Tướng tịnh Pháp Thê

Nên nguyện cứu quần sinh  
Dùng tám Mạn Đồ La  
Quyền thuộc tự vây quanh

\_Tiếp, Đông: **Biển Tri Ân**  
Phương Bắc: **Quán Tự Tại**  
Nam đề **Kim Cương Thủ**  
Y phương Niết Ly Đề (Phương Tây Nam)  
**Bất Động Như Lai Sứ**  
Phong phương (phương Tây Bắc) **Thắng Tam Thế**  
Bốn phương bốn **Đại Hộ**  
Cửa đầu (sơ môn) **Thích Ca Văn**  
Thứ ba **Diệu Cát Tường**  
Phương Nam **Trừ Cái Chướng**  
Thắng phương (phương Bắc) **Địa Tạng Tôn**  
**Long Phương (phương Tây)** Hư Không Tạng  
Với quyền thuộc **Tô Tất** (Susidhi :Tô Tất Địa)  
Trời **Hộ Thế** uy đức  
Theo thứ tự phân bày

\_Tiếp nên bung lò hương  
**Tĩnh Trì Chân Ngôn** là:

“**Ân, tô tất địa yết lý, nhập phộc lý đa năng nam đa mô la-đa duệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, hồng, phán tra**”

ॐ अम् ह्रीं क्लीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं

\*)OM\_ SUSIDDHI-KARA JVALITA ANANTA MURTTAYE JVALA  
JVALA BANDHA BANDHA HANA HANA HŪM PHAT

\_ **Bất Động Đại Minh Vương**

Khử dơ khiến trong sạch  
**Tịch Trừ** hiện ánh sáng  
Với Hộ Thân, Kết Giới  
Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mạc tam mạn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa ma hạ lộ sai ninh (2) sa-phá tra đã (3) hồng, đát-la tra (4) hãn mâu**”

ॐ नमो सामन्ता वाज्रानाम् कान्ढा महा-रोषाणा  
स्फाटया हूम त्राट हाम माम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAÑĀM\_ CAṄḌA MAHĀ-ROṢAṆA  
SPHAṬYA HŪM TRAT HĀM MĀM

\_Tiếp dùng Ấn Chân Ngôn  
Mà thỉnh triệu Chúng Thánh  
Chư Phật Bồ Tát nói  
Y Bản Thệ đi đến  
Định Tuệ (2 tay) trong thành quyền (Nội Phộc)  
Co Tuệ Phong (ngón trở phải) như câu  
Tùy triệu đến phó tập



Chân Ngôn là (hoặc 3 Bộ Tâm thính)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a , tát phộc đát-la bát-la để ha đấ (2) đát tha nghiệt đấng củ xa (3) mạo địa chiết lý-dã, bát lý bố la ca (4) sa-phộc hạ**” [ 7 biến Sách, Tỏa, Linh trừ chướng bất động]

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ SARVATRA  
APRATIHAṬE\_ TATHĀGATA-AMKUŚA BODHĪ-CARYA PARIPŪRAKA\_  
SVĀHĀ

\_Tiếp bày **Tam Muội Gia**

Mau mắn Nguyệt Vô Thượng

Khiến Bán Chân Ngôn Chủ

Các Minh vui vẻ nên

Dâng hiến nước Át Già

Như Pháp dùng gia trì

Dâng các đấng Thiện Thệ

Dùng tắm thân Vô Cấu

Tiếp nên tịnh tất cả

Miệng Phật, nơi sinh con

Chân Ngôn là

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nga nga năng tam ma, tam ma, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAGANA SAMA ASAMA\_  
SVĀHĀ

\_Tiếp **Phụng Hoa Tọa Chân Ngôn** là (Trừ chướng gia hộ bất động)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ

Rồi tác lời này:

Chữ **Khur**, điểm Đại Không (ॐ – KHAM)

Đặt ở trên đỉnh đầu

Chuyển thân làm Tát Đỏa

Tâm chúng tử Kim Cương

Bày khắp các chi phần

Các Pháp lia ngôn thuyết

Dùng đủ Ấn Chân Ngôn

Liên đồng **Chấp Kim Cương**

Chân Ngôn ấy là (Ngũ Cổ Ấn, Tam Cổ Ấn)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa ma ha lỗ sái noa (2) hồng**”

नमःसमन्तवज्रानाम् वज्रमन्त्रधाम् ५

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA\_ HŪM

Tiếp nên nhất tâm tác

Ấn **Tôi Phục Chư Ma**

Chân Ngữ cùng tương ứng

Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi Phong Luân (ngón trỏ)

Gia ở mé Bạch Hào

Như hình **Tỳ Câu Chi**

Vừa mới kết Pháp này

Sẽ thấy khắp đất này

Kim Cương rục ánh lửa

Hay trừ thật mãnh lợi

Vô lượng quân Thiên Ma

Với loài gây chướng khác

Quyết định đều lui tan

**Bổ Ma Chân Ngôn** là:

“**N**ặng mạc tam mãn đa bột đà nam (1) **M**a ha mật la phộc đề (2) **n**ại xa phộc lộ ốt bà phệ (3) **m**a ha muội đát-ly-dã, tỳ-dữu ốt nghiệt đế, sa-phộc hạ”

नमःसमन्तवज्रानाम् वज्रमन्त्रधाम् ५

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAHĀ-BALA VATI, DAŚA-

BALA UDBHAVE, MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE\_ SVĀHĀ

Tiếp dùng **Nan Kham Nhẫn**

**Mật Ấn Minh** kết hộ

Tạng Mật bung Thủy Luân (ngón vô danh)

Xoay chuyển chỉ mười phương

Là tên **Đại Kết Giới**

Dùng giữ mười phương cõi

Hay khiến trụ bên chắc

Thế nên việc ba đời

Thấy hay hộ giúp khắp

Uy mãnh không thể thấy

**Đại Giới Chân Ngôn** là:

“**N**ặng mạc tam mạn đa một đà nam (1) **t**át phộc đát-la noa nghiệt đế (2) **m**ãn đà dã tỳ man (3) **m**a ha tam ma gia niết la-giả đế (4) **s**a-ma la nãi (5) **a** bát-la đề ha đế (6) **đ**à ca đà ca (7) **chi**ết la chiết la (8) **m**ãn đà mãn đà (9) **n**ại xa nễ-dĩ chiên (10) **t**át phộc đát tha nghiệt đa nỗ chỉ-nhạ đế (11) **b**át-la phộc la đạt ma lạp đà vĩ nhạ duệ (12) **b**à nga phộc đề (13) **v**ĩ củ lý, vĩ củ lệ (14) **l**ệ lỗ bổ lý (15) **s**a-phộc hạ”

नमःसमन्तवज्रानाम् वज्रमन्त्रधाम् ५  
[M] [S] [M] [A] [N] [T] [A] [V] [A] [J] [R] [A] [N] [A] [M] [H] [U] [M]  
[S] [A] [M] [A] [N] [T] [A] [B] [U] [D] [D] [H] [A] [N] [A] [M] [S] [A] [R] [V] [A] [T] [R] [A] [A] [N] [U] [G] [A] [T] [E]  
[B] [A] [N] [D] [H] [A] [Y] [A] [S] [I] [M] [A] [M] [M] [A] [H] [A] [S] [A] [M] [A] [Y] [A] [N] [I] [R] [J] [A] [T] [E] [S] [M] [A] [R] [A] [Ṇ] [A]  
[A] [P] [R] [A] [T] [I] [H] [A] [T] [E] [D] [H] [A] [K] [A] [D] [H] [A] [K] [A] [C] [A] [L] [A] [C] [A] [L] [A] [B] [A] [N] [D] [H] [A] [B] [A] [N] [D] [H] [A]  
[D] [A] [Ś] [A] [R] [D] [I] [Ś] [A] [M] [S] [A] [R] [V] [A] [T] [A] [Ṭ] [H] [Ā] [G] [A] [T] [A] [A] [N] [U] [J] [Ñ] [Ā] [T] [E] [P] [R] [A] [V] [A] [R] [A] [D] [H] [A] [R] [M] [A]

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVATRA ANUGATE  
BANDHĀYA SĪMAṀ\_ MAHĀ-SAMAYA NIRJATE, SMARAṆA  
APRATIHATE, DHAKA DHAKA, CALA CALA, BANDHA BANDHA,  
DAŚARDIŚAṀ\_ SARVA TATHĀGATA ANUJÑĀTE\_ PRAVARA DHARMA





Chiếu sáng Giới Chúng Sinh  
Tay giữ Ân Đàn Trà  
Vớ tất cả quyền thuộc  
Đều ngồi trên sen trắng

Chân Ngôn với Mật Ân  
Trước kia đã mở bày (khai thị)

Cửa cửa, hai **Thủ Hộ**  
**Vô Năng**, Tam Muội Quyền (quyền trái)  
Nâng Dục Luân (Cùi chỏ) khai mở  
Trí Quyền (quyền phải) tim, duỗi phong (ngón trỏ)  
Giống như thể suy nghĩ  
**Tương Đối** (Tương Hưởng Thủ Hộ) nâng Tuệ Quyền (Quyền phải)  
Dạng như thể đâm nhau

.)**Bất Khả Việt Thủ Hộ Chân Ngôn** là:

“**Năng** mạc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) nột la-đà lý-sái ma hạ lộ sái  
noa (2) khur nại đã tạt noan sa-đát tha nghiệt đa nhiên củ lỗ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM\_ DARDHARṢA, MAHĀ-ROṢAṆA  
KHĀDAYA \_ SARVA TATHĀGATĀ JÑAM KURŪ\_ SVĀHĀ

.)**Tương Hưởng Thủ Hộ Chân Ngôn** là:

“**Năng** mạc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hệt, a tỳ mục khur, ma hạ  
bát-la chiến noa (2) khur na đã, khản chỉ la đã tỳ (3) tam ma đã, ma nỗ sa-ma la  
(4) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM\_ HE\_ ABHIMUKHA MAHĀ-  
PRACAṆḌA \_ KHADAYA KIMCIRĀYASI SAMAYAM-ANUSMARA\_ SVĀHĀ

.)**Đồ Hương Chân Ngôn** là:

“**Năng** mạc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ du đà nga độ nạp-bà phộc (2) sa-  
phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIŚUDDHA GANDHA  
UDBHAVA\_ SVĀHĀ

**Hoa Man Chân Ngôn** là:

“**Năng** mạc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ muội đát ly- đã (2) tỳ-dữu  
nột nghiệt đế (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAHĀ-MAITRYA  
ABHYUDGATE\_ SVĀHĀ

.)**Phân Hương Chân Ngôn** là:



- 13\_ Năng nề lộ đà đăm, ca lố noa sa la sa lý kiếm  
 14\_ Vật-lý nhạ để đát-lại lộ ca, phộc la tất địa, na dĩ ca  
 15\_ A nhĩ đá nhĩ đá để số tổ sa ma bả để đăm nghiệt tỉnh  
 16\_ Tổ nghiệt tỉnh nga đa sáp-phộc bử, a hộ tổ đạt ma đá  
 17\_ Sa ma dĩ nghiệt-la tất địa tạt la na đa na độ nhĩ  
 18\_ Tả la na năng nề nghiệt để phiền ca na sa na sa ca  
 19\_ La để-lại lộ tạt la tất địa na dĩ ca mật bá  
 20\_ Sa để-lý đặc-phộc nghiệt để dĩ ca, a năng một-lý đá duệ để  
 21\_ Sa-đát đa sa- đồ phộc tả lý-diễm phộc la ma nghiệt-la phộc  
 22\_ Dụ sáp-ma đa xả lăm nê-diễm bỗ bả đồ sa-nhĩ năng tha  
 23\_ Sa-đá đăn tham ma đát số nghiệt-la ma hạ mật, a hàm  
 24\_ Niết-lý sái-diễm nhạ nga nại-la noa nghiệt tỉnh sa ma nghiệt-lãm  
 25\_ Đát đa-sa tất phộc la-tha ca lân sa ma nghiệt-la  
 26\_ Niết nhĩ noa nhĩ kiếm na xả tổ ná-nhĩ xả tổ  
 27\_ Bỗ noa-dĩ năng nhĩ , tất phộc nề xả tổ một đạm  
 28\_ Sa mẫn đa ha na-la mật noa đát-ma tiệm thất-giả  
 29\_ Tắt đát-phộc vĩ một đạm, bỗ nhạ bát đát-ma nghiệt để  
 30\_ Quân noan đồ tất đát-phộc nga duệ đồ duệ tha đạm  
 31\_ Sa-đá tha nghiệt đá, tán nhạ năng đã địa thuật địa-dã đá  
 32\_ Am đăn la-phộc tứ đạt ma vĩ kiệt đa duệ thất-giả  
 33\_ La cú đa la tất phộc vĩ nga-đồ đa duệ thất-giả  
 34\_ Sa một-lý địa-dã đăm, tất đát-phộc tứ đá đã duệ noan  
 35\_ Tắt phộc bát sa mẫn đa ca lân sa ma  
 36\_ Nghiệt-la nga nghiêm nhạ nga đát-ma cụ bà kiếm  
 37\_ Phộc nề đồ ô năng ma tất phộc đát tha nghiệt để  
 38\_ Sa đa phộc

Nếu trì **Tán Vương** này  
 Ưa thích sẽ thành tựu

\_ Lại nữa **Bí Mật Chủ!**  
**Như Lai Mạn Đà La**  
 Giống như trăng tròn sạch  
 Trong hiện màu Thương Khư (màu trắng óng ánh)  
 Tất cả Phật, tam giác  
 Ở ngay hoa sen trắng  
 Diễm Không làm Tiêu Xí  
 Ấn Kim Cương vây quanh  
 Từ Chân Ngôn Chủ ấy  
 Vòng khắp ở quang minh  
 Phật ngồi dưới gốc cây  
 Trì **Hàng Tứ Ma** này  
 Hiệu là **Biến Tri Ấn**  
 Hay đủ nhiều Công Đức  
 Sinh mọi **Tam Muội Vương**

\_ Tiếp ở góc Bắc ấy  
**Đạo Sư chư Phật Mẫu**

Màu vàng rờng rục rờ  
Mặc áo the lụa trắng  
Chiếu khắp như mặt trời  
Chính Thọ trụ Tam Muội

**Tiếp đến Thất Câu Chi  
Phật Mẫu Bồ Tát đấng**

\_Lại ở phương Nam ấy  
**Đại Dũng Mãnh Bồ Tát**  
**Đại An Lạc Bất Không**  
**Kim Cương Tam Muội Bảo**  
Các Bồ Tát cứu đời  
Đại Đức Thánh Tôn Ấn  
Hiệu là **Mãn Chứng Nguyên**  
**Chân Đà Ma Ni Châu**  
Trụ trên hoa sen trắng

.)Nhất Thiết Phật Tâm Chân Ngôn là (Ấn Phổ Thông)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) Âm, tát phộc một đà mạo địa tát đát-phộc (2) hột-lý nề dã (3) phệ xa nề (4) năng mặc tát phộc vĩ nề (5) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AM SARVA BUDDHĀ  
BODHI-SATVA HRDAYAM NYĀVEŚANĪ \_ NAMAḤ SARVA VIDE  
SVĀHĀ

.)Hư Không Nhãn Minh Phi Chân Ngôn là (Ấn Phật Nhãn)

**Năng mặc tam mn đa một đà nam (1) nghiệm, nga nga năng, phộc la, lạc cật-xoa nề (2) nga nga năng tam mê duệ (3) tát phộc đồ ốt-nghiệt đá (4) ty sa la tam bà phệ (5) nhập-phộc la na mục già nan (6) sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAṂ GAGANA VARA  
LAKṢAṆE \_ GAGANA-SAMAYE \_ SARVATA UDGATA ABHISĀRA  
SAMBHAVE JVALANA AMOGHĀNĀM SVĀHĀ

.)Nhất Thiết Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) ca, tát phộc tha (2) vĩ ma đế (3) vĩ chỉ la ninh (4) đật la-ma đà đồ, niết tá đa (5) tam tam ha (6) sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ KA\_ SARVATHĀ VIMATI  
VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJATA SAṂ SAṂ HĀ\_ SVĀHĀ

Phuong Bắc, Quán Tụ Tại  
**Bí Mật Mạn Đà La**

Giữa (chính giữa) Cát Tường Thương Khư  
Sinh ra hoa Bát Đàm  
Hé nở đầy quả trái  
Nương nhờ **Án Đại Liên**  
Hào quang như trăng trong  
Thương Khư, Quân Na Hoa (Loài hoa có màu trắng tươi)  
Mím cười ngời sen trắng  
Tóc hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)  
Trụ **Phổ Quán Tam Muội**

Quyển thuộc Liên Hoa Bộ  
Cực Tây, thứ nhất bày  
**Mã Đầu Quán Tụ Tại**  
Nhóm **Đại Minh Bạch Thân**  
**Đa La Tôn Bồ Tát**  
**Quán Tụ Tại Bồ Tát**  
**Tỳ Câu Chi Bồ Tát**  
**Đại Thế Chí Bồ Tát**  
**Liên Hoa Bộ Phát Sinh**

Thứ hai: **Tịch Lưu Minh**  
Với **Đại Cát Tường Minh**  
**Đại Cát Tường Đại Minh**  
**Như Ý Luân Bồ Tát**  
**Gia Du Đà La Phi**  
**Tốt Đồ Ba Cát Tường**  
**Đại Tùy Cầu Bồ Tát**  
**Bạch Xứ Tôn Bồ Tát**  
**Đại Cát Biến Bồ Tát**  
**Thủy Cát Tường Bồ Tát**  
**Bất Không Quyển Sách Vương**  
Nhóm **Phong Tài Bồ Tát**  
**Bạch Thân Quán Tụ Tại**  
**Bị Diệp Y Bồ Tát**

Bên phải **Đại Danh Xưng**  
**Thánh Giả Đa La Tôn**  
Màu xanh trắng pha tạp  
Dạng người nữ trung niên  
Chấp tay cầm sen xanh  
Hào quang tròn chẳng đổi  
Phát sáng như vàng sạch  
Mím cười, áo trắng tinh  
Nội Phộc dụng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)



Bên trái, **Tỳ Câu Chi**  
Rũ tay cầm tràng hạt  
Ba mắt giữ búi tóc  
Tôn hình màu trắng tinh  
Màu hào quang không chủ  
Trắng vàng đỏ hòa nhập  
Ẩn trước, giao Phong Luân (ngón trở)



Tiếp gần **Tỳ Câu Chi**  
**Vẽ Đắc Đại Thế Tôn**  
Quần áo màu Thương Khư  
Tay Hoa sen Đại Bi  
Tốt tươi chưa hé nở  
Hào quang tròn vây quanh  
**Minh Phi** trụ bên cạnh  
**Hiệu Trì Danh Xưng Giả**  
Tất cả diệu anh lạc  
Trang nghiêm thân màu vàng  
Cầm cành hoa tươi đẹp  
Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)  
Mật Ấn như Minh Vương  
Nâng lên co Phong Luân (ngón trở)

Gần Thánh Giả Đa La  
Trú ở **Bạch Xứ Tôn**  
Mão tóc đều trắng đẹp  
Tay hoa **Bát Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng)  
Định Tuệ (2 tay) Hư Tâm Hợp (chấp tay lại giữa trống rỗng)  
Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)





\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAM\_ JAM JAM SAḤ\_ SVĀHĀ

.)**Gia Du Đà La Chân Ngôn** là (Yaśodhara)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Diễm dã du đà la dã (2) sa-phộc hạ**”

𑖀𑖩𑖨𑖩𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAṀ - YAŚO-DHARAYA - SVĀHĀ

.)**Bach Xứ Tôn Bồ Tát Chân Ngôn** là (Bāṇḍara-vāsini)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Bán đất tha nghiệt đa vĩ sai dã, tam bà phệ (2) bát na-ma mang lý nễ (3) sa-phộc hạ**”

𑖀𑖩𑖨𑖩𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PAM\_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

.)**Hạ dã hột-ly Phộc Chân Ngôn** là (Hayagrīva)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ham hồng khur na dã bạn nhạ (2) sa-phả tra dã (3) sa-phộc hạ**”

𑖀𑖩𑖨𑖩𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HAM\_ HŪM KHADAYA BHAMJA SPHATYA SVĀHĀ

.)**Địa Tạng Bồ Tát Chân Ngôn** là (Kṣiti-garbha)

**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ha ha ha (2) tổ đất nổ (3) sa-phộc hạ**

𑖀𑖩𑖨𑖩𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HA HA HA SUTANU SVĀHĀ

\_\_Phật Tử! Hãy lắng nghe

Tiếp Đông, Viện thứ ba

**Thí Nguyện Kim Cương Đàn**

Cùng quán khắp bốn phương

Ấn Kim Cương hộ vệ

Nên ở chính giữa làm

**Hỏa Sinh Mạn Đồ La**

Trong tim lại an trí

**Diệu Thiện Thanh Liên Ấn**

**Trí Giả Mạn Thù Âm**

Bản Chân Ngôn vây bọc

Như Pháp bày Chúng Tử

Mà dùng làm Chúng Tử

Lại ở bốn phương bàn

Vẽ làm Chúng **Cần Dũng**

Trước an **Diệu Cát Tường**

Thân hình màu uất Kim (màu vàng nghệ)

Đỉnh đội mao Ngũ Kê (5 búi tóc)

Giống như hình Đồng Tử

Tay trái cầm sen xanh



Trên hiên Ấn Kim Cương  
Mặt hiên từ mỉm cười  
Ngồi trên hoa sen trắng  
Diệu tướng, hào quang tròn  
Ánh sáng trợ chung quanh  
Mà trụ **Phật Gia Trì**  
**Thần Lực Tam Muội Vương**  
Vớ vô lượng quyền thuộc

**Quán Tự Tại, Phổ Hiền**  
Đôi diện Hộ đối Hộ  
**Nhạ Gia, Vĩ Nhạ Gia**  
**Đồng Mẫu Đô, Nễ Đa**  
**A Ba La Nhĩ Đa**

Bắc (phía Bắc) **Quang Vãng Bồ Tát**  
Tiếp **Bảo Quan Bồ Tát**  
**Vô Cấu Quang Bồ Tát**  
**Nguyệt Quang Minh Bồ Tát**  
Nhóm Ngũ Kế Văn Thù  
**Ô Ba Kế Thất Nễ**  
**Phụng Giáo, các Bồ Tát**  
**Văn Thù Sư Lợi Tôn**  
**Mạn Thù Lê Bồ Tát**  
Hai Sứ Giả Văn Thù  
Câu Triệu bốn **Phụng Giáo**  
Và **Câu Triệu Bồ Tát**

Hữu (bên phải) **Quang Vãng Bồ Tát**  
Cầm giữ mọi lưới báu



**Bảo Quan** cầm Ấn báu

Tả Liên (hoa sen bên trái) **Vô Cấu Quang**  
Hoa sen xanh chưa nở  
Duỗi An trước hơi co



## **Ô Ba Kế Thiết Nễ**

Quyền trước, Hỏa Luân (ngón giữa) đâm



## **Địa Tuệ giữ Tràng Ân**

Định Quyền (quyền trái) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



## **Chất Đa La Đồng Tử**

Hữu Quyền (quyền Phải) Phong Luân (ngón trỏ) Trượng (dựng như cây gậy)

**Triệu Thỉnh Phong** (ngón trỏ) làm câu (móc câu)



Tiếp năm loại **Phụng Giáo**

## **Bất Tư Nghị Đồng Tử**

Định Tuệ (2 tay) Nội Phộc Quyền

Dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) hợp nhau

Phong (ngón trỏ) co lỏng thứ ba



Như vậy năm **Sứ Giả**

Năm loại **Phụng Giáo Giả**

Hai **Chúng** cùng vây quanh

Thị vệ **Vô Thắng Trí** (Văn Thù Bồ Tát)

[Văn Thù Tam Bồ Tra Chương, Hai Hòa (2 ngón giữa) đè ngược lưng hai Thù (2 ngón vô danh) Hai Phong (2 ngón trỏ) vịn Không Luân (ngón cái)]



नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र (ॐ) नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HILI\_ HE SMARA JÑĀNA-KETU\_ SVĀHĀ

.)Chát Đa-la Đòng Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) Nhĩ lý, chát đa-la (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र (ॐ) नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MILI\_ CITRĀ\_ SVĀHĀ

.)Triệu Thỉnh Đòng Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) a ca la-sái dã (2) tát noan củ lỗ a nhiên (3) củ mang la tả (4) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA\_ SVĀHĀ

.)Bát Tư Nghị Đòng Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) a vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र नमोऽस्मिन् वृक्षेऽत्र

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ VISMAYA NĪYE\_ SVĀHĀ

\_Hành Giả ở Tả Phương (phương bên trái)

Tiếp tác **Đại Danh Xưng**

**Trừ Nhất Thiết Cái Chướng**

Chủng Tử đại tinh tiến

Là **Chân Đà Ma Ni**

Trụ ở trong Hòa Luân

Chúng đoan nghiêm theo hầu

Nên biết quyền thuộc ấy

**Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát**

**Phá Ác Thú Bồ Tát**

**Thí Vô Úy Bồ Tát**

Nhóm **Hiền Hộ Bồ Tát**

**Bát Tư Nghị Bồ Tát**

**Từ Phát Sinh Bồ Tát**

Và **Chiết Chư Nhiệt Nảo**

Tiêu Chí của Bí Mật

Thứ tự nên an bày

Danh Xưng **Trừ Chướng Tôn**

Trụ **Bi Lực Tam Muội**

Trí Phước (2 tay) Hư tâm hợp (Hư Tâm Hợp Chưởng)

Co Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh ) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Tôn hữu (Tôn bên phải) **Trừ Nghi Quái**  
Nội Phộc, dụng Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái)  
Bình bấu để Nhất Cổ



**Thí Vô Úy Bồ Tát**  
Tác tay Thí Vô Úy



**Trừ Nhất Thiết Ác Thú**  
Duỗi Định Tuệ (2 tay) chắp lại

**Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát**  
Bi Thủ (tay trái) chưởng (lòng bàn tay) tại tim  
Dụng Không (ngón cái) hướng lên trên



**Đại Từ Sinh Bồ Tát**  
Tuệ Phong Không (ngón trỏ phải và ngón cái phải) cầm hoa



**Bi Tuyên Nhuận bên phải**  
Bi (tay trái) vịn trên tim  
Rũ co Hòa Luân (ngón giữa) chỉ





